

UBND TỈNH THANH HÓA
BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BDT-CSTT
V/v Triển khai thực hiện Quyết định
số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020
của Thủ tướng Chính phủ.

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2020

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND 11 huyện miền núi;
- Chủ tịch UBND 05 huyện giáp ranh có xã miền núi;
- Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn và thị xã Bỉm Sơn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 16088/UBND-VX ngày 16/11/2020 và Công văn số 16561/UBND-VX ngày 25/11/2020 về việc thực hiện theo nội dung Công văn số 1625/UBND-CSDT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc về triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 -2025.

Ban Dân tộc đã ban hành Kế hoạch số 876/KH-BDT ngày 30/11/2020 về triển khai thực hiện Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 -2025.

Để có cơ sở thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt danh sách các xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2025, theo đúng các tiêu chí phân định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Ban Dân tộc đề nghị Chủ tịch UBND huyện, thị xã (sau đây gọi chung là huyện) khẩn trương chỉ đạo các phòng, ban, UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) triển khai thực hiện một số nội dung sau:

I. Đối tượng áp dụng và tiêu chí xác định:

Căn cứ theo Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 -2025.

Một số điểm cần lưu ý:

1. Đối với những xã đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới thì không xác định là xã khu vực III.

2. Xác định thôn đặc biệt khó khăn đối với tất cả các thôn của tất cả các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 (kể cả xã khu vực III); tất cả những thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ

15% trở lên của những xã không được xác định là xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3. Tỷ lệ nghèo: Lấy số liệu nghèo được cập có thẩm quyền công bố năm 2019, theo chuẩn nghèo đa chiều được phê duyệt theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015.

4. Số liệu, tài liệu liên quan lấy tại thời điểm 31/12/2019. Riêng số liệu xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới lấy tại thời điểm rà soát.

II. Trình tự, quy trình, hồ sơ, thủ tục, biểu mẫu và thời gian hoàn thành việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 -2025.

1. Đối với cấp xã.

1.1. Bước 1: Lập danh sách các xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 15% trở lên **theo mẫu biểu 1a.**

1.2. Bước 2: Trường hợp xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số dưới 15% thì thực hiện rà soát đối với thôn **theo mẫu biểu 1b** (tức là trường hợp nếu xã đó khi xác định ở bước 1 không đạt xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

1.3. Bước 3: Xác định xã khu vực III, II, I theo **mẫu biểu 2a**

(1). Xác định xã khu vực III: Căn cứ vào số liệu tại cột 4 của biểu 2a:

+ Nếu xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên, thì đánh dấu (X) vào ô khu vực III.

+ Trường hợp xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20%, nếu có một trong các điều kiện dưới đây thì đánh dấu (X) vào ô khu vực III.

* Điều kiện 1: Trên 60% hộ nghèo là hộ DTTS trong tổng số hộ nghèo của xã.

* Điều kiện 2: Có từ 20% trở lên số người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 15 đến 60 chưa biết đọc, biết viết tiếng phổ thông.

* Điều kiện 3: Trên 80% lao động có việc làm chưa qua đào tạo từ 3 tháng trở lên.

* Điều kiện 4: Đường giao thông từ trung tâm huyện, lỵ đến trung tâm xã dài trên 20km, trong đó có trên 50% số km chưa được rải nhựa hoặc đổ bê tông.

(2). Xác định xã khu vực I (KV I).

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thì đánh dấu (X) vào ô KV I.

- Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%, thì đánh dấu (X) vào ô KV I.

(3). Xác định xã khu vực II (KV II).

Đánh dấu (X) vào ô KV II nếu xã không thuộc xã KV III và xã KV I (là các xã còn lại sau khi đã xác định các xã KV III và xã KV I).

1.4. Bước 4: Xác định thôn đặc biệt khó khăn **theo mẫu biểu 2b.**

- Xác định các thôn đặc biệt khó khăn có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên thì ghi “Đ” vào cột số 12.

- Trường hợp các thôn có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20%, nếu có một trong các điều kiện dưới đây thì ghi “Đ” vào cột số 12.

* Điều kiện 1: Có trên 60% hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của thôn.

* Điều kiện 2: Chưa có đường từ thôn đến trung tâm xã hoặc có đường nhưng đi lại rất khó khăn, nhất là mùa mưa.

* Điều kiện 3: Chưa có điện lưới quốc gia hoặc đã có nhưng trên 30% số hộ chưa được sử dụng điện lưới quốc gia.

Lưu ý: Tại biểu 2b lập danh sách tất cả các thôn của xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (kể cả xã được xác định là xã khu vực III) và danh sách các thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 15% trở lên của những xã không được xác định là xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (tức là xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số dưới 15%).

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ các tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các nội dung hướng dẫn tại Công văn này để xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; lập các biểu theo mẫu số 1a, 1b, 2a, 2b và báo cáo kết quả xác định gửi UBND cấp huyện.

Hồ sơ cấp xã gửi cấp huyện 02 bộ.

Thời gian hoàn thành chậm nhất trước ngày **10/12/2020**.

2. Đối với cấp huyện.

Sau khi nhận đủ hồ sơ của cấp xã, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổng hợp, rà soát, kiểm tra và lập báo cáo gửi Ban Dân tộc tỉnh.

Hồ sơ cấp huyện gửi Ban Dân tộc tỉnh 01 bộ gồm:

- Báo cáo chung kết quả xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển và kết quả xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Kết quả xác định các xã khu vực II, II, I và thôn đặc biệt khó khăn theo các mẫu biểu số 1c, 1d, 3a, 3b, 3c, 3d.

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định tỷ lệ hộ nghèo của cấp có thẩm quyền đối với các xã, thôn.

Thời gian hoàn thành gửi về Ban Dân tộc tỉnh chậm nhất trước ngày **19/12/2020**.

3. Đối với cấp tỉnh.

- Ban Dân tộc tỉnh sau khi nhận đủ hồ sơ của cấp huyện, tổ chức rà soát, kiểm tra, tổng hợp kết quả; chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị: Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công thương; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tổ chức Hội nghị thẩm định kết quả xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; tổng hợp hoàn thiện kết quả, hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định.

Thời gian:

+ Tổ chức hội nghị thẩm định kết quả toàn tỉnh hoàn thành trước ngày **25/12/2020**.

+ Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo kết quả gửi UBND tỉnh trước ngày **01/01/2021**.

Hồ sơ cấp tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc 01 bộ gồm:

- Báo cáo kết quả và danh sách chi tiết xác định xã khu vực III, II, I và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định phê duyệt kết quả xác định tỷ lệ hộ nghèo của cấp có thẩm quyền đối với các xã, thôn.

- Số liệu về dân số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số và số liệu, tài liệu của xã, thôn có liên quan đến các tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Biên bản họp thẩm định với các sở, ngành: Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Giao thông Vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công thương; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới;

- Báo cáo thẩm định của Ban Dân tộc tỉnh.

III. Lưu ý chung.

1. Để đảm bảo tính chính xác về thông tin, số liệu giữa các huyện báo cáo với số liệu của các sở, ban, ngành có liên quan cung cấp phục vụ cho công tác thẩm định của tỉnh; Ban Dân tộc đề nghị Chủ tịch UBND huyện lưu ý các thông tin, số liệu đưa vào làm căn cứ để xác định cho các xã, thôn phải thống nhất và chính xác (cấp tỉnh sẽ căn cứ vào thông tin, số liệu của các sở, ban, ngành sau đây để thẩm định: Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Giao thông vận tải; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công thương; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới).

2. Trường hợp hồ sơ, tài liệu của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi lên chưa đảm bảo theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc (kể từ khi Ban Dân tộc có thông tin trao đổi, hướng dẫn) đề nghị các huyện phải khẩn trương hoàn thiện và gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp. Nếu quá thời gian quy định Chủ tịch UBND huyện phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thông tin, số liệu của huyện mình.

3. Đây là nhiệm vụ quan trọng, vì vậy, đề nghị Chủ tịch UBND huyện khẩn trương phổ biến, quán triệt, chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện đảm bảo chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng, tránh sai sót, nhầm lẫn và gửi báo cáo kết quả về Ban Dân tộc theo đúng quy định (*gửi kèm file điện tử vào địa chỉ email: cstt.bdt@thanhhoa.gov.vn*). Quá thời hạn quy định (trước ngày **19/12/2020**), Ban Dân tộc không nhận được báo cáo của huyện thì Chủ tịch UBND huyện phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời thông tin về Ban Dân tộc (*qua Phòng Chính sách và Tuyên truyền, điện thoại: 0373.755.121 hoặc 0987.983.009 đồng chí Cao Thị Hòa Trưởng phòng; 0982 171 543 đồng chí Bùi Thị Hoa, Phó trưởng phòng*) để phối hợp giải quyết.

Đề nghị Chủ tịch UBND các huyện quan tâm, triển khai thực hiện.

(*Gửi kèm: Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 16561/UBND-VX ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh; Công văn số 1625/UBND-CSĐT ngày 23/11/2020 của Ủy ban Dân tộc*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền (b/c);
- Ban Dân tộc HĐND tỉnh (biết);
- Phòng Dân tộc 11 huyện (t/h);
- Cơ quan phụ trách công tác dân tộc 07 huyện, thị giáp ranh có xã, phường miền núi (t/h);
- Lãnh đạo Ban (b/c);
- Lưu: VT, CSTT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Cầm Bá Tường